

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu 743-2020-00050581
Mã số kết quả AR-20-VD-058682-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Tên mẫu: Đầu nguồn nhà máy nước Lương Quới
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 25/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.09	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	200	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.29	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.003)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Phát hiện vết (<0.07)	0.2
17	VD562 VD Monochloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	2280	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.15)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	209	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	864	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	1.92	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	4410	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monochlorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexachloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Trichlorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD	Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD	Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD	2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD	2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD	MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD	Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD	Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD	Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD	Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD	Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD	Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a)	Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a)	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.56	2
86	VD3ES	VD (a)	Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD	Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT	Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.03	0.1
91	VDABBQ	EXT	Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.21	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (f) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050582
Mã số kết quả: AR-20-VD-058683-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Tên mẫu: Giữa nguồn nhà máy nước Lương Quới: Chi nhánh cấp nước Giồng Trôm
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 25/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.08	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	200	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.28	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.003)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monochloramine	µg/l	SMEWW 4500 CI G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	2080	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.15)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	191	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	865	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	1.92	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	4060	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Trichloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetraclorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexacloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.66	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VDDBQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.22	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

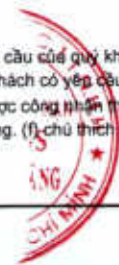


Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2020-00050583

Mã số kết quả

AR-20-VD-058684-01 / EUVNHC-00103915


Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu:

Cuối nguồn nhà máy nước Lương Quới: ấp Bình Phú, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Tình trạng mẫu:

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu:

12/06/2020

Thời gian thử nghiệm:

13/06/2020 - 25/06/2020

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

19/06/2020

Mã số PO của khách hàng:

RAV9200612061-MT



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.08	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.06	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	200	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.01	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.32	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.30	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.009	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Phát hiện vết (<0.07)	0.2
17	VD562 VD Monodoramine	$\mu\text{g/l}$	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	$\mu\text{g/l}$	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	$\mu\text{g/l}$	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl^-)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	2130	250
25	VD05N VD (a) Florua (F^-)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.15)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN^-)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO_4^{2-})	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	198	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO_3/l	SMEWW 2340C:2017	875	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O_2/l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	1.92	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	4070	1000
31	VD560 VD Benzene	$\mu\text{g/l}$	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	$\mu\text{g/l}$	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Diclropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Diclroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetraclorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromoclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexacloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD	Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD	Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD	2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD	2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD	MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD	Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD	Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD	Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD	Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD	Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD	Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a)	Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a)	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.68	2
86	VD3ES	VD (a)	Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
87	VD1RH	VD	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD	Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT	Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VDDBQ	EXT	Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.2	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương VI
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

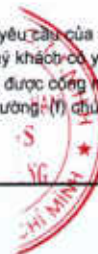



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương VI 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 VD: Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế.
 EXT: Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050587
Mã số kết quả: AR-20-VD-054401-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu: Đầu nguồn Chi nhánh cấp nước Chợ Lách
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 19/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.04	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	13.4	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.001)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.036	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	0.14	0.2
17	VD562 VD Monodloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloroaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloroaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	29.8	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	37.6	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	122	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	170	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodiclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromoclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Diclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclo ro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit triclo roaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a) Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	0.87	2
86	VD3ES	VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
91	VDABBQ	EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.15	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích




Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế.
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2020-00050589

Mã số kết quả

AR-20-VD-054403-01 / EUVNHC-00103915


Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu:

Cuối nguồn Chi nhánh cấp nước Chợ Lách: nhà thờ Tin Lành, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách

Tình trạng mẫu:

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

12/06/2020

Thời gian thử nghiệm:

13/06/2020 - 19/06/2020

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

19/06/2020

Mã số PO của khách hàng :

RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.04	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	13.6	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.001)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.039	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	0.12	0.2
17	VD562 VD Monocloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	0.3
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	32.2	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	37.7	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	126	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	174	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Trichloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetrachlorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexachloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Trichlorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroacetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD	Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD	Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD	2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD	2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD	MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD	Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD	Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD	Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD	Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD	Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD	Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a)	Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a)	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	0.88	2
86	VD3ES	VD (a)	Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD	Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT	Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
91	VD8BQ	EXT	Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.12	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

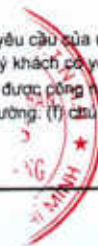



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTE-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế "EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050588
Mã số kết quả: AR-20-VD-054402-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Tên mẫu: Giữa nguồn Chi nhánh cấp nước Chợ Lách: UBND xã Sơn Định, Khu phố 4, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 19/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.04	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.06	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	13.8	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.001)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.037	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	0.12	0.2
17	VD562 VD Monocloramine	µg/l	SMEWW 4500 CI G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloroaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloroaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	31.7	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	37.7	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	120	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	176	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Diclôropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Diclôroeten	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetrachlorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexachloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Trichlorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	0.89	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
91	VD8BQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.13	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (f) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu 743-2020-00050575
Mã số kết quả AR-20-VD-058679-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu: Đầu nguồn nhà máy nước Sơn Đồng: nhà máy nước Sơn Đồng
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 25/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.05	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	190	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.076	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.11	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.003)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Phát hiện vết (<0.07)	0.2
17	VD562 VD Monochloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromooxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Diclouroxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Triclouroxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	482	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	136	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	300	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	960	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodiclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetraclorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromoclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Diclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclo ro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.51	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VDDBQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.17	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

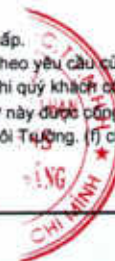


Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2020-00050576

Mã số kết quả

AR-20-VD-058680-01 / EUVNHC-00103915


Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu:

Giữa nguồn nhà máy nước Sơn Đông: trạm bơm tăng áp Hàm Luông

Tình trạng mẫu:

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu :

12/06/2020

Thời gian thử nghiệm:

13/06/2020 - 25/06/2020

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

19/06/2020

Mã số PO của khách hàng :

RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.06	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	181	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.0003)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.01)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.098	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.094	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.012	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Phát hiện vết (<0.07)	0.2
17	VD562 VD Monocloramine	$\mu\text{g/l}$	SMEWW 4500 CI G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromooxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Diclorooxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Triclorooxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	$\mu\text{g/l}$	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Fomaldehyt	$\mu\text{g/l}$	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl^-)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	399	250
25	VD05N VD (a) Florua (F^-)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN^-)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO_4^{2-})	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	145	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO_3/l	SMEWW 2340C:2017	310	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O_2/l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	848	1000
31	VD560 VD Benzene	$\mu\text{g/l}$	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	$\mu\text{g/l}$	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27	VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27	VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27	VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27	VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27	VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27	VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27	VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27	VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27	VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27	VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27	VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27	VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27	VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27	VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27	VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG	VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25	VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25	VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25	VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25	VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetrachlorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexachloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Trichlorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD	Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD	Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD	2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD	2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD	MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD	Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD	Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD	Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD	Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD	Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD	Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a)	Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a)	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.71	2
86	VD3ES	VD (a)	Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD	Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT	Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VDBBQ	EXT	Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.16	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 08/07/2020

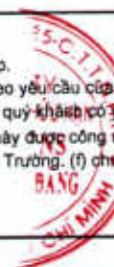
Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.

Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

VD: Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (f) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế.

EXT: Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2020-00050577

Mã số kết quả

AR-20-VD-058681-01 / EUVNHC-00103915


Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu:

Cuối nguồn nhà máy nước Sơn Đông: số 307/3, phường 4, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Tình trạng mẫu:

Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa

Ngày nhận mẫu:

12/06/2020

Thời gian thử nghiệm:

13/06/2020 - 25/06/2020

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

19/06/2020

Mã số PO của khách hàng:

RAV9200612061-MT



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.05	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	192	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.098	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.084	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.003	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Phát hiện vết (<0.07)	0.2
17	VD562 VD Monochloramine	$\mu\text{g/l}$	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	$\mu\text{g/l}$	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	$\mu\text{g/l}$	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	$\mu\text{g/l}$	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl^-)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	497	250
25	VD05N VD (a) Florua (F^-)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN^-)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO_4^{2-})	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	137	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO_3/l	SMEWW 2340C:2017	310	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O_2/l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	982	1000
31	VD560 VD Benzene	$\mu\text{g/l}$	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	$\mu\text{g/l}$	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclo ro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD	Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD	Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD	2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD	2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD	MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD	Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD	Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD	Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD	Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD	Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD	Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a)	Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a)	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.51	2
86	VD3ES	VD (a)	Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD	Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT	Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.03	0.1
91	VDBBQ	EXT	Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.16	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích




Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050584
Mã số kết quả: AR-20-VD-058685-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Tên mẫu: Đầu nguồn nhà máy nước An Hiệp
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 25/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.07	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	101	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.0003	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.10	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.04)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.059	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.026	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monodloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	251	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	167	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	320	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	0.96	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	640	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monodlorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetraciorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexachloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a) Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.90	2
86	VD3ES	VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
91	VD88Q	EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.13	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050585
Mã số kết quả: AR-20-VD-058686-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu: Giữa nguồn nhà máy nước An Hiệp: café Trúc, KCN An Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 25/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.06	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	101	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.0003	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.10	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.04)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.065	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.025	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monochloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	243	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	165	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	315	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	0.96	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	656	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Diclropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Diclroeten	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromoclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Diclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclo ro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.92	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
91	VDBBQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.15	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

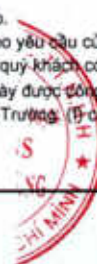


Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050586
Mã số kết quả: AR-20-VD-058687-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Tên mẫu: Cuối nguồn nhà máy nước An Hiệp: hộ Cẩm Vân, cầu Cây Da, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 25/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.07	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.06)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	105	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.0004	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.10	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.04)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.067	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.026	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monodloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloraaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clova (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	255	250
25	VD05N VD (a) Flova (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.15)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	170	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO3/l	SMEWW 2340C:2017	315	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O2/l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	0.96	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	672	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromoclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Diclorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclo ro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit triclo roaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.90	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.1
91	VD8BQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.17	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

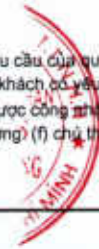



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238, (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050580
Mã số kết quả: AR-20-VD-054394-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội
TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Việt Nam

Tên mẫu: Cuối nguồn Chi nhánh cấp nước Phú Tân: Khu công nghiệp Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 19/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.05	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	191	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.04)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.091	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.003)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monochloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromooxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Diclorooxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Triclorooxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	404	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	136	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	275	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	852	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Trichloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclo ro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit tricloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amonl	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.28	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VD8BQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.19	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phản Tích

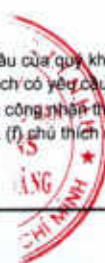



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế.
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050579
Mã số kết quả: AR-20-VD-054393-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu: Giữa nguồn Chi nhánh cấp nước Phú Tân: chùa Quan Âm, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 19/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.05	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	192	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.04)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.089	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.003)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monocloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromoaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Dicloroaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Tricloroaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	408	250
25	VD05N VD (a) Fiorua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	131	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	275	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	854	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-dichlorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonotetrachlorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexachloro butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Trichlorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29 VD Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29 VD Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66 VD 2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66 VD 2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66 VD MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66 VD Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31 VD Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31 VD Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31 VD Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31 VD Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31 VD Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0 VD (a) Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ VD (a) Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.19	2
86	VD3ES VD (a) Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	0.018	0.05
87	VD1RH VD Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7 VD <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32 VD Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ EXT Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VD8BQ EXT Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.14	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.

Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế

"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00050578
Mã số kết quả: AR-20-VD-054392-01 / EUVNHC-00103915



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội

TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Việt Nam

Tên mẫu: Đầu nguồn Chi nhánh cấp nước Phú Tân: 81A ấp 1 phường Phú Tân, TP Bến Tre
Tình trạng mẫu: Mẫu vi sinh đựng trong chai vô trùng, mẫu hóa lý đựng trong can nhựa
Ngày nhận mẫu: 12/06/2020
Thời gian thử nghiệm: 13/06/2020 - 19/06/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 19/06/2020
Mã số PO của khách hàng: RAV9200612061-MT

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	VDV30 VD <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/100 ml	ISO 16266:2006	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
2	VD847 VD (a) Bari (Ba)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.05	0.7
3	VD874 VD (a) Sắt (Fe)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
4	VD918 VD (a) Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	180	200
5	VD902 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.01
6	VD903 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.003
7	VD904 VD (a)(f) Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0001)	0.001
8	VD906 VD (a) Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.003)	1
9	VD876 VD (a) Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.04)	0.1
10	VD880 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.01)	2
11	VD843 VD (a) Crom (Cr)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.001)	0.05

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
12	VD845 VD (a) Selen (Se)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.01
13	VD846 VD (a) Antimon (Sb)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Không phát hiện (LOD=0.0003)	0.02
14	VD851 VD (a) Bo	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	0.093	0.3
15	VD849 VD (a) Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3030E:2017; SMEWW 3125B:2017	Phát hiện vết (<0.003)	0.07
16	VD850 VD (a) Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125B:2017; SMEWW 3030E:2017	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.2
17	VD562 VD Monocloramine	µg/l	SMEWW 4500 Cl G:2017	Không phát hiện (LOD=2)	3.0
18	VD728 VD Dibromooaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	70
19	VD728 VD Diclorooaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
20	VD728 VD Triclorooaxetonitril	µg/l	US EPA 551.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
21	VD730 VD Acrylamide	µg/l	EPA 8032A 1996	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.5
22	VD0EN VD Focmaldehyt	µg/l	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-2-TP-5035)	Không phát hiện (LOD=50)	900
23	VD05F VD (a) Bromat	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	10
24	VD05L VD (a) Clorua (Cl ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	392	250
25	VD05N VD (a) Florua (F ⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	Phát hiện vết (<0.5)	1.5
26	VD155 VD (a)(b) Cyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984)	Không phát hiện (LOD=0.005)	0.05
27	VD0CK VD (a) Sulfates (SO ₄ ²⁻)	mg/l	US EPA Method 300.1 mod	127	250
28	VD169 VD (a)(b) Độ cứng (f)	mg CaCO ₃ /l	SMEWW 2340C:2017	270	300
29	VD237 VD (a)(b) Chỉ số permanganat	mg O ₂ /l	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	Không phát hiện (LOD=0.2)	2
30	VD299 VD (a)(f) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	SMEWW 2540C:2017	828	1000
31	VD560 VD Benzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	10
32	VD560 VD Monoclorobenzene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	300

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
33	VDV27 VD Alachlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	20
34	VDV27 VD Atrazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	100
35	VDV27 VD Chlordan	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	0.2
36	VDV27 VD Chlorotoluron	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
37	VDV27 VD DDT	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.3)	1
38	VDV27 VD Dichloprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=20)	100
39	VDV27 VD Fenoprop	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
40	VDV27 VD Isoproturon	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=2)	9
41	VDV27 VD Methoxychlor	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
42	VDV27 VD Molinate	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	6
43	VDV27 VD Pendimethalin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
44	VDV27 VD Permethrin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
45	VDV27 VD Propanil	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
46	VDV27 VD Simazine	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	2
47	VDV27 VD Trifluralin	µg/l	US EPA 525.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
48	VD1RG VD 2,4,6-Trichlorophenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	1
49	VDV25 VD 1,1,1 - Tricloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=300)	2000
50	VDV25 VD 1,2 - Dicloloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	40
51	VDV25 VD 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	1
52	VDV25 VD 1,2 Dicloloroetan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	50

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
53	VDV25 VD 1,2-Dichloroethane	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
54	VDV25 VD 1,2-diclorobenzen (o-)	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	1000
55	VDV25 VD 1,3 - Dichloropropen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=3)	20
56	VDV25 VD Bromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	60
57	VDV25 VD Bromofoc	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	100
58	VDV25 VD Cacbonetetraclorea	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
59	VDV25 VD Cloroform	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=30)	300
60	VDV25 VD Dibromodichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	100
61	VDV25 VD Dichlorometan	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
62	VDV25 VD Epichlorohydrin	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.4
63	VDV25 VD Ethylbenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	300
64	VDV25 VD Hexaclorea butadien	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.6
65	VDV25 VD Styren	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
66	VDV25 VD Tetrachloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=5)	40
67	VDV25 VD Toluen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=100)	700
68	VDV25 VD Trichloroethene	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=10)	20
69	VDV25 VD Triclorobenzen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=1)	20
70	VDV25 VD Vinyl clorua	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	0.3
71	VDV25 VD Xylen	µg/l	US EPA 524.2 mod	Không phát hiện (LOD=50)	500
72	VDV29 VD Axit trichloroaxetic	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	200

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 01-1:2018/ BYT
73	VDV29	VD	Dichloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	50
74	VDV29	VD	Monochloroacetic acid	mg/l	US EPA 552.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)	20
75	VDV66	VD	2,4-D	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=5)	30
76	VDV66	VD	2,4-DB	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=10)	90
77	VDV66	VD	MCPA	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
78	VDV66	VD	Mecoprop	µg/l	US EPA 555 mod	Không phát hiện (LOD=1)	10
79	VDV31	VD	Aldicarb	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)	10
80	VDV31	VD	Carbofuran	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0005)	5
81	VDV31	VD	Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)	30
82	VDV31	VD	Cyanazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.0002)	0.6
83	VDV31	VD	Hydroxyatrazine	mg/l	US EPA 531.2 mod	Không phát hiện (LOD=0.03)	200
84	VD1R0	VD (a)	Amoni	mg/l	EPA 350.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.3
85	VD3EQ	VD (a)	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	1.30	2
86	VD3ES	VD (a)	Nitrit (NO ₂ ⁻)(tính theo N)	mg/l	US EPA Method 300.0	Phát hiện vết (<0.015)	0.05
87	VD1RH	VD	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	US EPA 528 mod	Không phát hiện (LOD=0.02)	1
88	VD1R7	VD	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/100 ml	SMEWW 9213B:2017	Không phát hiện (LOD=1)	< 1
89	VDV32	VD	Hydro Sunfua (H ₂ S)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD=0.02)	0.05
90	VDABQ	EXT	Tổng hoạt độ α	Bq/l	ISO 9696:2007	0.02	0.1
91	VDABBQ	EXT	Tổng hoạt độ β	Bq/l	ISO 9697:2008	0.15	1.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên  Nguyễn Thị Phương Vi Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích	 Lý Hoàng Hải Tổng Giám Đốc
--	--

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 08/07/2020

Ghi chú giải thích Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (b) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận VIMCERTS-Bộ Tài Nguyên Môi Trường. (c) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế "EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.
